

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
QUỐC TẾ HOÀNG ANH GIA LAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08/25/CBTT – HAGL Agrico

Gia Lai, ngày 29 tháng 4 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý I năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

- Mã chứng khoán: HNG
- Địa chỉ: Số 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ: 0269.2222283
- Email: haglagrico@thagrico.vn Website: <https://haagrigo.com>

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC Quý I/2025

☒ BCTC riêng (ĐKGD không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc;

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC.

(đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/4/2025 tại đường dẫn: <https://www.haagrigo.com/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý I/2025
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



HAGL Agrico



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý I năm 2025

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 32

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.081.943.719	13.514.680.218
110	I. Tiền		329.434	13.058.472
111	1. Tiền	4	329.434	13.058.472
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.948.200.659	13.366.861.487
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.224.631.748	2.113.055.433
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.649.820.809	1.469.481.914
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.783.799.033	6.589.299.033
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	3.333.721.241	3.238.797.279
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(43.772.172)	(43.772.172)
140	III. Hàng tồn kho		37.206.197	42.735.442
141	1. Hàng tồn kho	9	48.638.174	54.204.990
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.431.977)	(11.469.548)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		96.207.429	92.024.817
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	16	95.921.598	91.738.986
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	285.831	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.462.961.122	9.625.959.373
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.372.760.651	5.535.560.729
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	3.608.149.699	3.798.605.398
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.764.610.952	1.736.955.331
220	II. Tài sản cố định		2.451.987	2.662.500
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	147.195	170.833
222	Nguyên giá		8.703.335	8.977.967
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.556.140)	(8.807.134)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.304.792	2.491.667
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.675.208)	(3.488.333)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	4.087.729.776	4.087.729.776
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.954.817.803	4.954.817.803
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.155.687.273)	(1.155.687.273)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		18.708	6.368
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	18.708	6.368
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.544.904.841	23.140.639.591

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2025

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.274.403.262	11.831.331.760
310	I. Nợ ngắn hạn		12.042.868.799	11.778.732.885
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	514.646.492	488.387.705
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	406.901.442	322.771.443
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	119.040	152.971
314	4. Phải trả người lao động		1.029.600	1.159.200
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.315.054.502	1.136.240.205
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	240.243.135	265.146.773
320	7. Vay ngắn hạn	19	9.564.874.588	9.564.874.588
330	II. Nợ dài hạn		231.534.463	52.598.875
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	52.839.463	52.598.875
338	2. Vay dài hạn	19	178.695.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.270.501.579	11.309.307.831
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	11.270.501.579	11.309.307.831
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(985.164.371)	(946.358.119)
421a	- Lỗ sau thuế lũy kế đến cuối kỳ trước		(946.358.119)	(33.449.898)
421b	- Lỗ sau thuế chưa phân phối kỳ này		(38.806.252)	(912.908.221)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.544.904.841	23.140.639.591

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2025

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2025

		Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngàn VND
Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	123.781.221	75.400.594	123.781.221	75.400.594
11	2. Giá vốn hàng bán	22	(122.200.594)	(73.747.352)	(122.200.594)	(73.747.352)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.580.627	1.653.242	1.580.627	1.653.242
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	150.736.186	228.651.017	150.736.186	228.651.017
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(189.017.135) (189.394.480)	(131.000.726) (129.109.199)	(189.017.135) (189.394.480)	(131.000.726) (129.109.199)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(695.940)	(989.682)	(695.940)	(989.682)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(1.462.085)	(2.006.782)	(1.462.085)	(2.006.782)
30	8. (Lỗ)/ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.858.347)	96.307.069	(38.858.347)	96.307.069
31	9. Thu nhập khác	25	101.635	7.927	101.635	7.927
32	10. Chi phí khác	25	(49.540)	(878.023)	(49.540)	(878.023)
40	11. Lợi nhuận/ (lỗ) khác	25	52.095	(870.096)	52.095	(870.096)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

Ngàn VND					
Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
			Năm nay	Năm trước	
50	12. Tổng (lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế		(38.806.252)	95.436.973	(38.806.252) 95.436.973
60	13. (Lỗ)/ lợi nhuận sau thuế TNDN		(38.806.252)	95.436.973	(38.806.252) 95.436.973


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Ngày 29 tháng 4 năm 2025



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2025

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	(Lỗ)/ lãi trước thuế		(38.806.252)	95.436.973
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11	210.513	354.586
03	Hoàn nhập dự phòng		(37.571)	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		(9.627.718)	(97.131.982)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(141.108.469)	(130.957.640)
06	Chi phí lãi vay	23	189.394.480	129.109.199
08	Lãi/ (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.983	(3.188.864)
09	(Tăng)/ giảm các khoản phải thu		(271.619.180)	362.171.261
10	Giảm hàng tồn kho		5.566.816	3.271.521
11	Tăng/ (giảm) các khoản phải trả		84.907.289	(308.775.191)
12	Tăng chi phí trả trước		(12.340)	(2.426.069)
14	Tiền lãi vay đã trả		(10.150.440)	(10.081.797)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(144.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh		(191.426.872)	40.970.861
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		-	(511.102.689)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		-	(160.042.000)
27	Lãi tiền gửi		2.760	14.630
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		2.760	(671.130.059)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền thu từ đi vay		442.195.000	956.800.000
	Tiền trả nợ gốc vay		(263.500.000)	(371.902.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		178.695.000	584.897.500
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(12.729.112)	(45.261.698)
60	Tiền đầu kỳ	4	13.058.472	47.288.173
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		74	1.669
70	Tiền cuối kỳ	4	329.434	2.028.144

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 4 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2025

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và thay đổi lần thứ hai mươi (20) vào ngày 14 tháng 03 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2015 theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 7 năm 2015. Ngày 09 tháng 8 năm 2024, HOSE quyết định về việc hủy niêm yết Cổ phiếu của Công ty từ ngày 06 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định số 488/QĐ-SGDHCM, lý do Công ty có kết quả sản xuất, kinh doanh bị lỗ trong 03 năm liên tục căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022, 2023.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") ban hành Quyết định số 974/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty và chính thức đưa cổ phiếu của Công ty vào giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch ("UPCOM") tại HNX kể từ ngày 18 tháng 9 năm 2024 theo Thông báo số 4111/TB-SGDHN.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các loại vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("Hoàng Anh Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("Hoàng Anh Rattanakiri")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("Hoàng Anh Oyadav")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào ("Nam Lào") (*)	Attapeu, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00

(*) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào được thành lập ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0005/ĐKDN của Cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Sở Công nghiệp và Thương mại tỉnh Attapeu cấp. Vào ngày 21 tháng 02 năm 2024, Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/24/NQ-ĐHĐCĐ/HAGL Agrico thông qua Dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, nước CHDCND Lào.

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 3 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng Quý I năm 2025 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2025.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ ("CCDC") và hàng hóa	- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như TSCĐ vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.	

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền gửi ngân hàng	288.884	13.021.185
Tiền mặt tại quỹ	40.550	37.287
TỔNG CỘNG	329.434	13.058.472

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.182.140.267	2.070.609.744
Khách hàng khác	42.491.481	42.445.689
	2.224.631.748	2.113.055.433

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trả trước ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.646.052.461	1.464.341.504
Nhà cung cấp khác	3.768.348	5.140.410
	1.649.820.809	1.469.481.914

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	6.783.799.033	6.589.299.033
	6.783.799.033	6.589.299.033
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.570.654.025	1.763.999.219
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào (*)	2.037.495.674	2.034.606.180
	3.608.149.699	3.798.605.398
TỔNG CỘNG	10.391.948.732	10.387.904.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Khoản cho vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế, tiền thuê đất và các nghĩa vụ phải trả khác mà Nhóm Công ty phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai hoặc được Chính phủ Lào hoàn trả lại bằng tiền.

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<i>Ngàn VND</i>		
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	3.297.553.296	3.238.258.911
Các khoản khác	36.167.945	538.368
	3.333.721.241	3.238.797.279
Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.764.610.952	1.736.955.331
	1.764.610.952	1.736.955.331
TỔNG CỘNG	5.098.332.193	4.975.752.610

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
<i>Ngàn VND</i>		
Hàng hóa	48.638.174	54.204.990
TỔNG CỘNG	48.638.174	54.204.990
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.431.977)	(11.469.548)
GIÁ TRỊ THUẦN	37.206.197	42.735.442

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

B09a-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Ngàn VND
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	310.655	5.701.139	2.966.173	8.977.967
Thanh lý trong kỳ	-	(274.632)	-	(274.632)
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	310.655	5.426.507	2.966.173	8.703.335
Giá trị khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(310.655)	(5.540.779)	(2.955.700)	(8.807.134)
Khấu hao trong kỳ	-	(21.790)	(1.848)	(23.638)
Thanh lý trong kỳ	-	274.632	-	274.632
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	(310.655)	(5.287.937)	(2.957.548)	(8.556.140)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	160.360	10.473	170.833
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	-	138.570	8.625	147.195

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND
	Phần mềm máy vi tính
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	5.980.000
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	<u>5.980.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(3.488.333)
Hao mòn trong kỳ	<u>(186.875)</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	<u>(3.675.208)</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>2.491.667</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	<u>2.304.792</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	4.954.817.803	(1.153.092.663)	4.954.817.803	(1.153.092.663)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	286.004.636	-	286.004.636	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.243.417.049</u>	<u>(1.155.687.273)</u>	<u>5.243.417.049</u>	<u>(1.155.687.273)</u>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024		
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	(1.153.092.663)	100,00	2.101.029.560	(1.153.092.663)
HAQM Lào	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	-	100,00	1.081.159.132	-
Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	100,00	943.987.719	-	100,00	943.987.719	-
Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	100,00	828.641.392	-	100,00	828.641.392	-
TỔNG CỘNG			4.954.817.803	(1.153.092.663)		4.954.817.803	(1.153.092.663)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

B09a-DN

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar")	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

12.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 3 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	15,00	2.594.610
			(2.594.610)		(2.594.610)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công cụ và dụng cụ	18.708	6.368
TỔNG CỘNG	18.708	6.368

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	502.612.164	474.855.047
Phải trả khác	12.034.328	13.532.658
TỔNG CỘNG	514.646.492	488.387.705

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhận ứng trước từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	406.901.442	322.771.443
TỔNG CỘNG	406.901.442	322.771.443

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	95.921.598	91.738.986
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26)	285.831	285.831
TỔNG CỘNG	96.207.429	92.024.817
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế thu nhập cá nhân	119.040	152.971
TỔNG CỘNG	119.040	152.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí lãi vay	1.286.482.020	1.107.237.979
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.286.005.232	1.106.688.519
Các khoản khác	28.572.482	29.002.226
	1.315.054.502	1.136.240.205

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	230.634.150	258.117.172
Phải trả khác bên thứ ba	9.608.985	7.029.601
	240.243.135	265.146.773
Dài hạn		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	31.927.442	31.686.854
Phải trả khác bên thứ ba	20.912.021	20.912.021
	52.839.463	52.598.875
TỔNG CỘNG	293.082.598	317.745.648

19. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	5.132.714.070	5.132.714.070
Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 19.2)	3.932.160.518	3.932.160.518
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.3)	500.000.000	500.000.000
	9.564.874.588	9.564.874.588
Vay dài hạn		
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	178.695.000	-
	178.695.000	-
TỔNG CỘNG	9.743.569.588	9.564.874.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay dài hạn bên liên quan

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("Thaco Agri")	5.311.409.070	5.132.714.070
TỔNG CỘNG	5.311.409.070	5.132.714.070
Trong đó:		
Vay dài hạn bên liên quan	178.695.000	-
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả trong vòng một năm	5.132.714.070	5.132.714.070

19.2 Vay ngắn hạn bên liên quan

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Thaco Agri	3.932.160.518	3.932.160.518
TỔNG CỘNG	3.932.160.518	3.932.160.518

19.3 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	500.000.000	500.000.000
TỔNG CỘNG	500.000.000	500.000.000

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

B09a-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Năm 2024					
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2024	11.085.538.950	1.170.127.000	(33.305.898)	12.222.360.052	
Lãi thuần trong kỳ	-	-	95.436.973	95.436.973	
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	11.085.538.950	1.170.127.000	62.131.075	12.317.797.025	
Năm 2025					
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2025	11.085.538.950	1.170.127.000	(946.358.119)	11.309.307.831	
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(38.806.252)	(38.806.252)	
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	11.085.538.950	1.170.127.000	(985.164.371)	11.270.501.579	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 3 năm 2025 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
Cổ phiếu phổ thông	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Cổ phiếu phổ thông	1.108.553.895	1.108.553.895
Trong đó:		
Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

B09a-DN

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I		Ngàn VND	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	123.781.221	75.400.594	123.781.221	75.400.594
Trong đó:				
Doanh thu bán vật tư nông nghiệp	106.648.721	57.418.394	106.648.721	57.418.394
Doanh thu bán mủ cao su	17.132.500	17.982.200	17.132.500	17.982.200

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I		Ngàn VND	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	141.105.708	130.943.010	141.105.708	130.943.010
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.627.718	97.693.377	9.627.718	97.693.377
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.760	14.630	2.760	14.630
TỔNG CỘNG	150.736.186	228.651.017	150.736.186	228.651.017

11/01/2025 16:00:10

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

B09a-DN

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý I		Ngàn VND	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vật tư nông nghiệp	105.819.275	56.398.682	105.819.275	56.398.682
Giá vốn mủ cao su	16.381.319	17.348.670	16.381.319	17.348.670
TỔNG CỘNG	122.200.594	73.747.352	122.200.594	73.747.352

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I		Ngàn VND	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	189.394.480	129.109.199	189.394.480	129.109.199
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.076	-	66.076	-
Hoàn nhập chi phí tài chính khác	(670.272)	-	(670.272)	-
Chi phí khác	226.851	1.891.527	226.851	1.891.527
TỔNG CỘNG	189.017.135	131.000.726	189.017.135	131.000.726

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

B09a-DN

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý I		Ngàn VND	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	695.940	989.682	695.940	989.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.290	708.900	415.290	708.900
Chi phí nhân viên	263.850	275.982	263.850	275.982
Khác	16.800	4.800	16.800	4.800
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.462.085	2.006.782	1.462.085	2.006.782
Chi phí nhân viên	1.116.433	1.076.969	1.116.433	1.076.969
Chi phí khấu hao và hao mòn	209.658	412.622	209.658	412.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.444	394.471	48.444	394.471
Khác	87.550	122.720	87.550	122.720
TỔNG CỘNG	2.158.025	2.996.464	2.158.025	2.996.464

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý I		Ngàn VND	
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	101.635	7.927	101.635	7.927
Thu tiền từ thanh lý tài sản	81.818	-	81.818	-
Các khoản khác	19.817	7.927	19.817	7.927
Chi phí khác	49.540	878.023	49.540	878.023
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	4.540	18.219	4.540	18.219
Các khoản phạt	45.000	17.549	45.000	17.549
Các khoản khác	-	842.255	-	842.255
LÃI/ (LỖ) KHÁC	52.095	(870.096)	52.095	(870.096)

11-13-2025 10:10:11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VND	
	Quý 1 năm 2025	Quý 1 năm 2024
(Lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế	(38.806.252)	95.436.973
Các khoản chi phí không được khấu trừ	38.248	1.052.387
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(9.996.891)	(104.921.375)
Lỗ tính thuế ước tính	(48.764.895)	(8.432.015)
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ <i>(Thuyết minh số 16)</i>	(285.831)	(285.831)

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")	Lãi đi vay	179.316.713
		Vay tiền	178.695.000
		Mua hàng hóa	100.189.363
		Bán hàng hóa	17.132.500
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	104.307.813
		Bán hàng hóa	103.956.831
		Mua hàng hóa	4.308.206
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	15.460.841
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	12.076.861
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	12.073.113
		Lãi cho vay	9.260.190
Nam Lào	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ("BHH và CCDV")	3.984.347
Thilogi	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	571.290
Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bò Trung Nguyên ("Bò Trung Nguyên")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, thanh lý TSCĐ	119.402
Công Ty TNHH Thiso Retail	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	28.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 như sau:

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	BHH và CCDV	2.049.627.023
HAQM Lào	Công ty con	BHH và CCDV	48.635.869
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	BHH và CCDV	38.534.095
Nam Lào	Công ty con	BHH và CCDV	30.476.455
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	14.739.241
Bò Trung Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, thanh lý TSCĐ	127.584
TỔNG CỘNG			2.182.140.267
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	943.232.110
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	702.820.351
TỔNG CỘNG			1.646.052.461
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	4.766.026.645
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	805.908.354
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	620.432.694
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	591.431.340
TỔNG CỘNG			6.783.799.033
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.308.199.420
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	262.454.605
TỔNG CỘNG			1.570.654.025
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cần trừ công nợ	1.917.867.950
		Lãi cho vay	869.298.076
		Chi hộ	165.441.972
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	163.841.087
		Cần trừ công nợ	21.907.905
CRD	Công ty con	Cần trừ công nợ	87.380.348
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cần trừ công nợ	71.793.344
		Chi hộ	22.614
TỔNG CỘNG			3.297.553.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.692.304.436
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	72.306.516
TỔNG CỘNG			1.764.610.952
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)			
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	459.259.284
Công ty TNHH Phân phối Thaco Auto	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	39.257.000
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	2.688.690
Thilogi	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	1.407.190
TỔNG CỘNG			502.612.164
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15)			
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	406.901.442
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)			
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay ngắn hạn	1.286.005.232
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)			
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cần trừ công nợ	171.445.321
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cần trừ công nợ	30.794.831
Heng Brothers	Công ty con	Cần trừ công nợ	10.421.125
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu hộ, phải trả khác	10.314.681
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ	7.648.200
Nam Lào	Công ty con	Nhờ chi hộ	9.992
TỔNG CỘNG			230.634.150
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)			
Heng Brothers	Công ty con	Cần trừ công nợ	31.927.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý I năm 2025

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 4 năm 2025